

Số: 04/2018/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 02 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN, ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BKHHCN, ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền

sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC, ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài Chính Hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

*Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành Quy chế Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- TT.TU và TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBT;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Báo Vĩnh Long, Đài PTTH Vĩnh Long;
- Trung tâm Công báo;
- Phòng VHXH, KSTTHC;
- Lưu: VT, 1.07.02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký: Nguyễn Văn Quang

QUY CHẾ

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long *(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND Ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc quản lý, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân thuộc sở, ban, ngành tỉnh, các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ngành); các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) tham gia quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của sở, ngành và cấp huyện, bao gồm: đề tài nghiên cứu khoa học và các dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; các dự án sản xuất thử nghiệm, dự án nhân rộng kết quả sau nghiên cứu.
2. Tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ: là quá trình xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ: là quá trình mà Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét, đánh giá về năng lực của tổ chức và cá nhân để giao làm đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đánh giá tính hợp lý, tính khoa học, tính khả thi về mục tiêu, nội dung, phương pháp, sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ.
4. Tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ: là quá trình xem xét, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu.
5. Cơ quan quản lý trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành là sở, ngành; cơ quan quản lý trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Trình tự thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện phải qua các bước sau:

1. Đề xuất nhiệm vụ, xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
2. Xét giao trực tiếp nhiệm vụ, thẩm định tài chính, ký kết hợp đồng và cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
3. Triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
4. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và xử lý kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
5. Đăng ký, lưu giữ kết quả, thanh lý hợp đồng, tổ chức ứng dụng và báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Mục 1

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ để đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ
 - a) Chức năng, nhiệm vụ, chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và những khó khăn vướng mắc cần giải quyết của sở, ngành và cấp huyện;
 - b) Yêu cầu thực tiễn trong sản xuất và đời sống;
 - c) Cấp huyện chỉ đề xuất, thực hiện những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính ứng dụng, như: dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm hoặc dự án nhân rộng kết quả sau nghiên cứu.
2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ
 - a) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ **theo đúng quy định**.
 - b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có tính cấp thiết, tính ứng dụng và tính thực tiễn;
 - c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện;
 - d) Nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ là dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm hoặc dự án nhân rộng kết quả sau nghiên cứu, phải có vốn đối ứng của nơi phối hợp thực hiện dự án;

đ) Sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật phải có tính mới, tính ứng dụng, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra trước đó;

e) Sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phải có tính khả thi, tính ứng dụng, làm cơ sở để hoạch định, xây dựng chủ trương, chính sách trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của sở, ngành và địa phương.

Điều 5. Xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Việc xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức hàng năm thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (viết tắt là *Hội đồng xác định nhiệm vụ*).

b) Kết quả xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu.

c) Đối với các sở, ngành

Các sở, ngành tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành và gửi kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ vào quý III hàng năm để xem xét, phê duyệt.

d) Đối với cấp huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện vào quý III hàng năm.

2. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Đối với sở, ngành

Căn cứ vào kết quả của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các sở, ngành vào quý IV hàng năm.

Căn cứ kết quả phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng sở, ngành quyết định giao cho tổ chức, cá nhân có liên quan làm đơn vị chủ trì và chủ nhiệm chịu trách nhiệm xây dựng hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Đối với cấp huyện

Căn cứ vào kết quả của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào quý IV hàng năm, đồng thời giao cho tổ chức, cá nhân có liên quan làm đơn vị chủ trì và chủ nhiệm chịu trách nhiệm xây dựng hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Gửi kết quả phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý.

3. Điều kiện của tổ chức và cá nhân được giao chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tổ chức được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao, đủ điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Cá nhân được giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải có trình độ từ đại học trở lên.

c) Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Đang triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ có vốn từ ngân sách nhà nước mà chưa được nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;

- Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ do vi phạm quy định tại Khoản 3, Điều 13 Quy chế này.

Mục 2

XÉT GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ, THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG, CẤP PHÁT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Xét giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đều phải được xét duyệt hồ sơ thông qua Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thẩm định dự toán kinh phí thông qua Tổ thẩm định tài chính trước khi ký hợp đồng thực hiện.

2. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm chịu trách nhiệm lập hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi về cơ quan quản lý trực tiếp để tổ chức họp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Sở, ngành quyết định thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện.

4. Việc đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện bằng hình thức chấm điểm.

5. Kết quả đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan quản lý trực tiếp thông báo cho đơn vị chủ trì và chủ nhiệm để hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng tư vấn.

Điều 7. Thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Số lượng thành viên tổ thẩm định tài chính từ 05 đến 07 người, bao gồm lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện các phòng có liên quan của Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính.

2. Tổ thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Thành viên tổ thẩm định bao gồm lãnh đạo Ủy ban nhân dân, lãnh đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng, lãnh đạo Phòng Tài chính Kế hoạch và các phòng chuyên môn có liên quan.

3. Chi phí hợp thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ. Chi phí hợp thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của cấp huyện.

4. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kèm dự toán kinh phí để thực hiện thẩm định tài chính.

5. Kết quả thẩm định tài chính là cơ sở để đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn chỉnh và nộp cho cơ quan quản lý trực tiếp để phê duyệt.

6. Thủ trưởng sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt thuyết minh kèm dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được thẩm định.

Điều 8. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được ký hợp đồng giữa cơ quan quản lý trực tiếp với đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước khi triển khai thực hiện.

2. Kết quả duyệt thuyết minh kèm dự toán kinh phí là cơ sở để ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Thời gian hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không quá 12 tháng.

Điều 9. Cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành

Căn cứ kết quả thẩm định tài chính, sở, ngành lập thủ tục đề nghị Sở Tài chính cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện

Căn cứ kết quả thẩm định tài chính, đơn vị chủ trì lập thủ tục đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Mục 3

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, KIỂM TRA GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 10. Triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đúng nội dung và tiến độ theo thuyết minh đã phê duyệt.

2. Trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu phải cần thay đổi nội dung, phương pháp thực hiện (nhưng không làm thay đổi mục tiêu đã phê duyệt), gia hạn thời gian thực hiện hoặc ngừng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì đơn vị chủ trì và chủ nhiệm lập đề nghị gửi cơ quan quản lý trực tiếp xem xét, quyết định. Cơ quan quản lý trực tiếp báo cáo sự thay đổi đó về Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quá nửa thời gian đã được phê duyệt trong thuyết minh.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong suốt quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đơn vị chủ trì phải thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chủ nhiệm.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp phải tổ chức kiểm tra quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản lưu hồ sơ quản lý, làm cơ sở để đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trước khi kiểm tra, cơ quan quản lý trực tiếp phải có văn bản gửi cho đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ về thời gian, địa điểm và nội dung kiểm tra.

4. Tùy theo yêu cầu quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra việc chấp hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tại sở, ngành và cấp huyện.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được đánh giá nghiệm thu thông qua Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu.

2. Thủ trưởng sở, ngành thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện.

3. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực của báo cáo tổng hợp và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ, bao gồm: chủng loại; số lượng, khối lượng và chất lượng của sản phẩm.

c) Đánh giá về tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Phương pháp đánh giá và xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Phương pháp đánh giá của thành viên Hội đồng

- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

- Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với hợp đồng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo hợp đồng; “Không đạt” khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo hợp đồng.

- Đánh giá chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện bằng phiếu, với 03 mức sau:

+ Mức “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm đều đạt mức ‘Xuất sắc’ và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên;

+ Mức “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; có ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt

về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với yêu cầu) và báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên;

+ Mức “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm từ 03 tháng trở lên kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn.

b) Xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

- Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt;

- Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc 2 trường hợp trên.

5. Kết quả hợp của Hội đồng đánh giá nghiệm thu là cơ sở để Giám đốc sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nghiệm thu, công nhận kết quả và giao cho tổ chức và cá nhân có liên quan ứng dụng kết quả sau nghiên cứu hoặc không nghiệm thu, không công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì được thanh lý hợp đồng.

Điều 13. Xử lý kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Không đạt”

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đánh giá mức “Không đạt” do chủ quan mà chưa hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng, thì chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải tự bỏ kinh phí để hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng, sau đó thực hiện nghiệm thu lần hai, nếu đánh giá mức “Không đạt”, thì tùy mức độ mà cơ quan quản lý trực tiếp quyết định mức độ xử lý phù hợp theo quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đánh giá mức “Không đạt” do vi phạm về số liệu không trung thực, tự ý sửa mục tiêu, sửa nội dung, quản lý tài chính sai quy định thì Thủ trưởng sở, ngành hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền quyết định số kinh phí quyết toán và số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước. Gửi thông báo kết quả xử lý đó về Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý.

3. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị đánh giá mức “Không đạt” do vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 13 Quy chế này hoặc nộp hồ sơ nghiệm thu chậm đến 03 tháng thì sẽ không được chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ 03 năm kế tiếp.

Mục 5
ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ KẾT QUẢ, THANH LÝ HỢP ĐỒNG,
TỔ CHỨC ỨNG DỤNG VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ ỨNG DỤNG
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo theo kết luận của Hội đồng và thực hiện các các nhiệm vụ sau:

- Nộp báo cáo kết quả nghiệm thu về cơ quan quản lý trực tiếp;
- Thực hiện thủ tục đăng ký, lưu giữ tại Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ. Bản báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đăng ký, lưu giữ phải được Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận đã hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng.

2. Thời gian và hồ sơ đăng ký, lưu giữ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 15. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý hợp đồng khi:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiệm thu được xếp loại từ mức “Đạt” trở lên;

2. Hồ sơ, chứng từ thanh toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đầy đủ, hợp lệ;

3. Có đăng ký, lưu giữ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 14 quy định này;

4. Các sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tài sản mua sắm bằng ngân sách nhà nước phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được kiểm kê và bàn giao cho tổ chức, cá nhân có liên quan để khai thác, sử dụng theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2015/TTLT-BKHHCN-BTC, ngày 01/9/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

Điều 16. Tổ chức ứng dụng và báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức và cá nhân được giao quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức ứng dụng kết quả vào thực tiễn sản xuất, đời sống và báo cáo kết quả ứng dụng về cơ quan quản lý trực tiếp theo định kỳ hàng năm.

2. Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ để quản lý.

Chương III
QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 17. Quy định chung về tổ chức và hoạt động của các Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ*) do Giám đốc sở, ngành hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

2. Kinh phí cho hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi phí cho Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành sử dụng kinh phí sự nghiệp của sở, ngành; chi phí cho Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp huyện.

b) Chi phí cho Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ và Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được dự toán trong bản thuyết minh.

3. Thành phần, cơ cấu và số lượng của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ.

a) Thành phần của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên trong đó có ủy viên thư ký. Riêng Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ và Hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là Hội đồng mang tính chuyên ngành, phải có hai ủy viên phản biện có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Cơ cấu của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ của sở, ngành gồm: lãnh đạo sở, ngành; đại diện các phòng, ban, đơn vị có liên quan; các chuyên gia, nhà khoa học có chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn. Cơ cấu của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ của cấp huyện gồm: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, đại diện các phòng, ban, đơn vị có liên quan; các chuyên gia, nhà khoa học có chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn.

c) Số lượng thành viên trong các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ từ 5 đến 7 người.

d) Đơn vị chủ trì, chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia thành viên của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ.

4. Phiên họp của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chỉ được tiến hành họp khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền, 01 ủy viên phản biện (các thành viên vắng phải gửi lại phiếu nhận xét).

b) Trước khi tổ chức họp các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Thủ trưởng sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ biết để cử cán bộ tham dự khi cần thiết.

Điều 18. Nguyên tắc làm việc của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, độc lập.

2. Kết luận của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ được lập thành biên bản, là cơ sở để Thủ trưởng sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định có liên quan đến nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tư vấn.

Điều 19. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Chủ tịch Hội đồng: Chủ trì và kết luận các nội dung của phiên họp Hội đồng.

2. Các thành viên Hội đồng: Có trách nhiệm tham dự các cuộc họp Hội đồng, nghiên cứu tài liệu được cung cấp và có ý kiến nhận xét đánh giá, góp ý theo yêu cầu. Riêng hai ủy viên phản biện phải có ý kiến mang tính chuyên môn và chuyên sâu về nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm cơ sở để các thành viên Hội đồng thảo luận.

3. Ủy viên Thư ký Hội đồng: Gửi tài liệu có liên quan cho các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày trước phiên họp, chuẩn bị nội dung và điều kiện làm việc cho các cuộc họp của Hội đồng, ghi biên bản cuộc họp, hoàn chỉnh hồ sơ cuộc họp.

Điều 20. Trình tự và nội dung làm việc của các Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Ủy viên thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng và chương trình làm việc.

b) Chủ tịch Hội đồng điều khiển chương trình các cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng, Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì, điều khiển chương trình.

c) Ủy viên thư ký Hội đồng báo cáo tóm tắt về các nội dung có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất để thành viên Hội đồng thảo luận.

d) Các ủy viên Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu chọn nhiệm vụ.

đ) Ủy viên thư ký tổng hợp kết quả bỏ phiếu và công bố kết quả tại cuộc họp.

e) Chủ tịch Hội đồng kết luận cuộc họp.

g) Ủy viên thư ký thông qua biên bản cuộc họp.

2. Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Ủy viên thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần tham dự và chương trình làm việc.

b) Chủ tịch Hội đồng điều khiển chương trình các cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng, Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì, điều khiển chương trình.

c) Chủ nhiệm báo cáo tóm tắt bản thuyết minh đề thành viên Hội đồng thảo luận.

d) Các ủy viên phản biện và ủy viên Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá các nội dung có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm giải trình và làm rõ những vấn đề mà các thành viên Hội đồng yêu cầu (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng.

e) Các thành viên Hội đồng chấm điểm và bỏ phiếu.

g) Ủy viên thư ký tổng hợp kết quả chấm điểm và công bố kết quả tại cuộc họp.

h) Chủ tịch Hội đồng kết luận cuộc họp.

i) Ủy viên thư ký thông qua biên bản cuộc họp.

3. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Ủy viên thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần tham dự và chương trình làm việc.

b) Chủ tịch Hội đồng điều khiển chương trình các cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng, Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì, điều khiển chương trình.

c) Chủ nhiệm báo cáo tóm tắt bản tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thành viên Hội đồng thảo luận.

d) Các Ủy viên phản biện và ủy viên Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá các nội dung có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đ) Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm giải trình và làm rõ những vấn đề mà các thành viên Hội đồng yêu cầu (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng.

e) Các thành viên Hội đồng chấm điểm và bỏ phiếu.

g) Ủy viên thư ký tổng hợp kết quả chấm điểm và công bố kết quả tại cuộc họp.

h) Chủ tịch Hội đồng kết luận cuộc họp.

i) Ủy viên thư ký thông qua biên bản cuộc họp.

k) Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong một khoảng thời gian cụ thể do Hội đồng quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 21. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên cơ sở các quy định của Trung ương về thủ tục, hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

b) Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm của các sở, ngành;

c) Quyết định thành lập tổ thẩm định tài chính và tổ chức thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành;

d) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tại sở, ngành và cấp huyện.

đ) Tổ chức đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (thông qua Trung Tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ) theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các sở, ngành thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp kết quả gửi về Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ, lập hồ sơ gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định tài chính;

d) Phê duyệt nhiệm vụ, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ và lập hồ sơ gửi Sở Tài chính cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau thẩm định tài chính;

đ) Chủ trì, phối hợp kiểm tra quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý;

e) Xem xét quyết định việc thay đổi những nội dung được quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy chế này;

g) Thu hồi kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành vi phạm quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy chế này;

h) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quyết định công nhận kết quả và giao cho tổ chức và cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

i) Xử lý tài sản mua sắm, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

k) Báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ và tổ thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

b) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Phê duyệt nhiệm vụ, ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Chủ trì, phối hợp kiểm tra quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý;

đ) Xem xét quyết định việc thay đổi những nội dung được quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy chế này;

e) Quyết định thu hồi kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp huyện vi phạm quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy chế này;

g) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quyết định công nhận kết quả và giao cho tổ chức và cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

h) Phân bổ, quyết toán kinh phí; xử lý tài sản mua sắm, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

i) Báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ.

4. Phòng Quản lý đô thị thị xã, thành phố; Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện

Thực hiện chức năng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện những nhiệm vụ có liên quan đến quá trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện.

Điều 22. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý tài chính

1. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các sở, ngành;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc chấp hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tại sở, ngành và cấp huyện;

c) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định, hướng dẫn liên quan đến tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện

a) Tham gia thẩm định tài chính các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, phân bổ và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện đúng quy định;

c) Phối hợp kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý;

Điều 23. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị chủ trì

1. Cùng với chủ nhiệm ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với cơ quan quản lý, ký các văn bản đề nghị thay đổi những nội dung được quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy chế này;

2. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang chủ trì;

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn kiểm tra nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm việc;

5. Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thực hiện thủ tục thanh, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

6. Tham gia xử lý tài sản mua sắm, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm

1. Xây dựng và hoàn chỉnh hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tham gia với đơn vị chủ trì ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã ký, sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng quy định;

4. Đề xuất những thay đổi được quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy chế này;

5. Báo cáo đầy đủ và trung thực về nội dung, tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo yêu cầu của cơ quan quản lý;

6. Xây dựng và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thực hiện đầy đủ các kết luận của Hội đồng và hoàn chỉnh báo cáo, thực hiện đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

7. Thực hiện việc thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 26. Điều chỉnh và bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ngành, các UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thay đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đã ký: Nguyễn Văn Quang